

## 5. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 1 CHO HỌC SINH DÂN TỘC ÍT NGƯỜI<sup>1</sup>

Việt Nam là một quốc gia gồm 54 dân tộc anh em, trong đó dân tộc thiểu số chiếm gần 14%; phần lớn sinh sống ở miền núi và trung du, trải dài từ Bắc vào Nam. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hoá, ngôn ngữ và tôn giáo riêng<sup>2</sup>. Luật Phổ cập giáo dục tiểu học, ban hành ngày 06/8/1991, khẳng định: “Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học.”. Như vậy, khi đến trường tiểu học, HS dân tộc ít người học môn Tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai – ngôn ngữ quốc gia. Việc học ngôn ngữ thứ hai sẽ góp phần giúp HS phát triển cả ngôn ngữ thứ nhất – tiếng mẹ đẻ (tiếng dân tộc) của các em.

### 5.1. Một số lưu ý khi dạy học Tiếng Việt 1 cho học sinh dân tộc ít người

#### a. Tích hợp với ngôn ngữ thứ nhất

– HS học ngôn ngữ thứ hai – ngôn ngữ quốc gia phải từ nền tảng của việc học tập ngôn ngữ thứ nhất – tiếng mẹ đẻ, tiếng dân tộc.

– Hệ thống bài tập hình thành và rèn luyện, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ngôn ngữ thứ hai cần được xây dựng với những tình huống, sự vật, tình tiết gần gũi với văn hoá, phong tục, tập quán, môi trường sinh sống của dân tộc các em.

#### b. Chú ý dạy học cá thể hoá

Việc dạy học cá thể hoá đòi hỏi GV cần:

- Điều chỉnh nội dung để đáp ứng năng lực, kinh nghiệm, và mối quan tâm của HS;
- Xây dựng các mức độ của mục tiêu, đưa ra nhiều cách thức khác nhau để đạt được mục tiêu bài học;

<sup>1</sup> Do giới hạn của SGK, ở tài liệu này, chúng tôi chỉ có thể dừng ở việc giới thiệu những nét khái quát nhất, bạn đọc quan tâm có thể tìm hiểu thêm ở Nguyễn Thị Ly Kha và các tác giả khác (2019), *Dạy học âm vần tiếng Việt cho học sinh dân tộc Ê-đê tại Tây Nguyên*, Đề tài cấp Bộ, đã nghiệm thu, loại: Xuất sắc; mã số B2016-19-01, Trường ĐHSPT.HCM.

<sup>2</sup> Ủy ban Dân tộc Việt Nam, cổng thông tin điện tử.

- Tạo điều kiện để HS được chứng minh hiểu biết của mình theo nhiều cách;
- Không yêu cầu GV phải xây dựng kế hoạch giảng dạy riêng cho từng HS mà thay vào đó, phương pháp này yêu cầu GV tìm kiếm các kiểu nhu cầu và sau đó phân nhóm HS có nhu cầu hoặc sở thích tương tự để GV có thể đáp ứng nhu cầu của từng nhóm.

### *c. Dạy học trên cơ sở chú trọng sự quan tâm và hứng thú của HS*

Hứng thú, sự quan tâm của HS đối với bài học là yếu tố giữ vai trò không nhỏ đối với hiệu quả tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng của HS. Vì vậy, khi thiết kế bài dạy, lựa chọn phương pháp dạy học (PPDH) cũng như khi thực hiện các nội dung dạy học, GV cần tìm hiểu, xác định được nhu cầu, hứng thú của HS cũng như việc lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

Trách phạt, bắt HS chép phạt rất nhiều lần khi HS không nắm quy tắc hay khái niệm nào đó là những biện pháp không hiệu quả; và không phải là PPDH trên cơ sở chú trọng sự quan tâm và hứng thú của HS.

## **5.2. Nguyên tắc dạy học ngôn ngữ thứ hai**

- Dạy ngôn ngữ nói trước dạy ngôn ngữ viết.
- Phát huy và khắc phục ảnh hưởng của ngôn ngữ thứ nhất.
- Khai thác tri thức, văn hoá, vốn sống của người học trong mọi hoạt động dạy học.

## **5.3. Một vài phương pháp dạy học đặc thù**

### *a. Phương pháp gián tiếp*

Phương pháp gián tiếp là phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ (TMD) trong quá trình dạy tiếng Việt để giúp HS tiếp nhận một ngôn ngữ mới (tiếng Việt) trên cơ sở tận dụng được vốn ngôn ngữ sẵn có của mình (TMD), tránh được sự căng thẳng trong nhận thức của HS, nhất là với HS ở các lớp đầu cấp.

#### **a1. Cách thực hiện**

- Tận dụng điểm giống nhau và chú ý điểm khác nhau của hai ngôn ngữ.

Chú ý tận dụng những điểm giống nhau trong quá trình dạy giúp GV cũng như HS dễ dàng hơn, HS nắm bắt nghĩa của từ nhanh hơn<sup>1</sup>.

VD:

Tiếng Việt	Phiên âm tiếng Mnông
mẹ	me
cá	ka
làm bài	lơh bai

<sup>1</sup> Các ví dụ tiếng Mnông ở tài liệu này do Rơ Nang Long, sinh viên Khoa Giáo dục Tiểu học, khoá 40, Trường ĐHSP. TP.HCM cung cấp.

Với những âm tiếng Việt không có trong TMD hoặc phát âm khác, GV cần hình thành những kĩ năng phát âm những âm mới một cách chính xác.

VD:

Tiếng Việt	Phiên âm tiếng Mnông
phấn	ple kre
thầy giáo	pô gru klau
thuốc	si năm

Khi dạy ngữ pháp, cần đối chiếu các từ ngữ/ câu trong bài với các từ tương đương trong TMD mà HS hay nói sai do ảnh hưởng của TMD; với những hiện tượng ngữ pháp (cấu tạo từ, cấu trúc câu, trật tự từ,...) nên có sự so sánh giữa tiếng Việt và TMD để HS lưu ý và có ý thức dùng từ, đặt câu tiếng Việt cho đúng.

VD:

	Tiếng Việt	Tiếng Mnông
Kết cấu C-V	<u>Bạn / hát hay lắm.</u> CN VN	<u>Găi ngưn / me đơs sớ.</u> VN CN VN
	<u>Tôi / đang làm bài tập.</u> CN VN	<u>An / lơh bai.</u> CN VN
Cụm TT	đẹp quá	găi ngưn

– Chú ý đến các từ đồng âm, VD: từ “*djan*” tiếng Mnông nghĩa là buồn, “*gian*” trong tiếng Việt nghĩa là gian xảo, gian dối; từ “*ka*” tiếng Mnông chỉ con cá, “*ca*” trong tiếng Việt chỉ cái ca; từ “*răc*” tiếng Mnông nghĩa là đọc bài, “*rách*” trong tiếng Việt chỉ vật không còn nguyên như ban đầu;...

#### a2. Những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng phương pháp dạy học gián tiếp

PPDH gián tiếp giúp các em HS tiếp nhận một ngôn ngữ mới (tiếng Việt) trên cơ sở tận dụng được vốn ngôn ngữ có sẵn của mình (TMD), tránh được sự căng thẳng cho HS, nhất là với HS đầu cấp. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những ảnh hưởng không tích cực đến việc học tiếng Việt, vì vậy, GV cần lưu ý:

(1) Chỉ sử dụng TMD trong những trường hợp không có phương pháp nào có thể giúp HS hiểu được.

(2) Không lạm dụng TMD.

(3) Chuẩn bị trước mẫu câu, vốn từ TMD sẽ sử dụng trước khi lên lớp.

(4) Tận dụng điểm giống nhau của hai ngôn ngữ.

(5) Chú ý điểm khác nhau của hai ngôn ngữ.

(6) Chú ý đến các từ đồng âm.

### *b. Phương pháp trực tiếp*

PPDH trực tiếp là phương pháp GV dạy HS dân tộc ít người học tiếng Việt bằng chính tiếng Việt mà không cần liên hệ với tiếng mẹ đẻ của các em.

#### b1. Cách thực hiện

- GV vừa sử dụng vật thật, mô hình hay tài liệu minh họa vừa cho HS nghe và phát âm các từ ngữ để hiểu nghĩa của từ ngữ tiếng Việt.
- HS tập sử dụng từ ngữ theo các mẫu câu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

#### **Lưu ý:**

- Cần tận dụng môi trường xung quanh.
- Tuỳ theo môn học, phân môn, bài học cho phù hợp.
- Chú ý đến mức độ năng lực tiếng Việt, năng lực ngôn ngữ của HS để lựa chọn nội dung, hình thức, PPDH phù hợp với trình độ của HS.

#### b2. Những điểm thuận lợi và khó khăn

##### ❖ Thuận lợi:

- Tạo được không khí học tập vui vẻ, tự nhiên.
- Giúp HS phản ứng nhanh trong giao tiếp hằng ngày.
- Tăng vốn từ và mẫu ngữ pháp.
- Tạo nền tảng để HS học ngôn ngữ viết.

##### ❖ Khó khăn:

- Mang tính mô hình nên HS khó nắm từ ngữ và cách giao tiếp chuẩn xác.
- Tiếng Việt dùng trong phương pháp trực tiếp là ngôn ngữ nói dùng trong giao tiếp hằng ngày nên HS sẽ gặp khó khăn ở những lớp cao, nơi thường phải tiếp xúc với phong cách ngôn ngữ viết.

### *c. Phương pháp dạy học ngữ cảnh và tình huống*

Phương pháp dạy học trong ngữ cảnh và tình huống là một cách thức giảng dạy trong đó GV tạo ra những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể để người học vận dụng những kinh nghiệm vốn có của mình để giải quyết tình huống, đồng thời lĩnh hội được tri thức cần có.

Các nguồn nguyên liệu tạo dựng tình huống:

1. Dùng môi trường, đồ vật thật trong lớp, trong trường;
2. Sử dụng những tình huống thật trong lớp;
3. Dùng các tình huống thật trong đời sống thật của học sinh;
4. Dùng các câu chuyện có thật, các hiện tượng thật trong thực tế;
5. Sử dụng các bảng biểu, bản đồ, bảng tin, báo chí;

6. Sử dụng tranh, ảnh, giáo cụ trực quan;
7. Sử dụng ngôn ngữ HS đã biết;
8. Sử dụng các bài hội thoại ngắn;
9. Sử dụng TMD;
10. Phối hợp một hay nhiều cách trên.

#### 5.4. Một số phương pháp sửa lỗi phát âm chủ yếu

##### a. Phương pháp luyện tập theo mẫu

Việc luyện phát âm và sửa lỗi phát âm cho HS chủ yếu diễn ra trong môi trường lớp học do GV chủ động thực hiện. Phương pháp luyện tập theo mẫu được xem là phương pháp cơ bản để sửa lỗi phát âm cho HS. Phương pháp này có thể sử dụng các phương tiện như mô hình, băng hình, băng tiếng hoặc giọng phát âm do GV trực tiếp thể hiện. Việc sử dụng băng hình, băng tiếng giúp cho HS quan sát, ghi nhớ cách phát âm chuẩn nhưng không thể thay thế hoàn toàn vai trò của GV. GV vẫn phải phân tích, giảng giải, hướng dẫn cụ thể các thao tác phát âm để giúp HS sửa lỗi. Quy trình:

- GV chỉ ra chỗ sai trong phát âm của HS. Có thể so sánh với cách phát âm đúng.
- GV phát âm mẫu thật chuẩn xác, thật chậm, thật rõ (có thể phát âm tới 2 – 3 lần) để HS theo dõi. GV phải chú ý phát âm chuẩn, không để tiếng địa phương ảnh hưởng tới giọng phát âm mẫu của mình.
- Hướng dẫn HS cách phát âm, vị trí các bộ phận của cơ quan phát âm. VD: điểm đặt lưỡi, vị trí của lưỡi, độ mở của miệng khi bắt đầu hoặc kết thúc...
- Cho HS phát âm nhiều lần theo sự hướng dẫn của GV. Chú ý luyện cho từng em hơn là luyện cho nhiều em theo cách đồng thanh. Trong quá trình phát âm các em sẽ tự điều chỉnh theo mẫu.

Bước 1: Cung cấp mẫu phát âm

Bước 2: HS phát âm theo mẫu

Bước 3: Nhận xét và sửa chữa

Bước 4: Đưa âm, vần đã sửa vào ngữ cảnh.

##### b. Phương pháp phân tích cách phát âm

- GV chỉ ra những chỗ không đúng của HS trong cách sử dụng các bộ phận phát âm.
- GV hướng dẫn HS phát âm lại theo cách sử dụng các bộ phận phát âm đúng.

Để thực hiện phương pháp này, GV có thể phát âm chậm để HS quan sát cách phát âm của GV hoặc GV sử dụng hình vẽ các bộ phận phát âm để HS quan sát. Với HS là người dân tộc, đặc biệt những vùng trẻ biết ít tiếng Việt, khi sử dụng phương pháp này, GV phải mô tả thật ngắn gọn, dễ hiểu, kết hợp mô tả bằng động tác là chủ yếu, tránh dùng những

thuật ngữ, những từ khó hiểu với HS. Phương pháp này đòi hỏi GV phải có kiến thức về ngữ âm tương đối vững vàng, nắm được kĩ thuật phát âm chuẩn xác, có khả năng mô tả chính xác các cách phát âm. Phương pháp này thường có hiệu quả cao khi sửa các lỗi về phụ âm đầu.

#### *c. Phương pháp luyện tập tổng hợp*

Cần tiến hành các bước sau:

- Phân tích các thành phần và phân tích âm vị mắc lỗi để HS nhận diện.
- Đưa vào trong ngữ cảnh để khu biệt nét nghĩa cho HS có ý thức phân biệt âm đúng/ sai.

Khi vận dụng vào chữa các lỗi phát âm cụ thể, GV cần lựa chọn hoặc kết hợp linh hoạt các phương pháp để có thể đạt hiệu quả cao.

#### *d. Phương pháp tổ chức trò chơi học tập*

Trong các bài học âm vần, bài đọc hiểu, có thể tổ chức các trò chơi về phát âm trong các tiết dạy. Thông qua các trò chơi, GV có nhiều cơ hội để sửa lỗi phát âm cho HS.

### **5.5. Dạy học hỗ trợ**

- Sử dụng phương pháp đa giác quan<sup>1</sup>.
- Dạy học cá nhân.
- Dạy học theo nhóm nhỏ.
- Sử dụng các bài tập “chuyên biệt” – loại bài tập thiết kế theo nhóm HS dựa trên sự đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng dân tộc<sup>2</sup>.

### **5.6. Phát triển lời nói trong dạy học âm vần**

#### *a. Một số biện pháp*

a1. Dạy học bằng trực quan: Dùng hiện vật, tranh ảnh, mô hình, điệu bộ, cử chỉ,... và lời nói Tiếng Việt (trực quan ngôn ngữ) để hướng dẫn, gợi ý, trao đổi trực tiếp với HS (chỉ sử dụng TMD trong trường hợp thật cần thiết) trong suốt quá trình lên lớp.

a2. Thực hành luyện tập: Thực hành theo mẫu (hỏi, trả lời); thực hành theo tình huống (thể hiện qua tranh vẽ, bằng lời mô tả hay thực tế hoạt động...); thực hành giao tiếp ngay tại lớp học (giữa GV và HS, HS với HS).

a3. Sử dụng tiếng mẹ đẻ: GV chỉ nên dùng trong một số trường hợp thật cần thiết (không thay thế được bằng cách khác), VD: cung cấp nghĩa từ ngữ mang tính trừu tượng (*tại sao, bao giờ, khi nào, ... rất, quá, lắm...*), cung cấp một số câu lệnh nhằm hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập (*Các em nói theo cô.; Em hãy hỏi để bạn trả lời;...*).

<sup>1,2</sup> Tham khảo mục 6. Dạy học Tiếng Việt 1 cho học sinh có khó khăn về đọc, trang 45.

*b. Một số hình thức tổ chức dạy học*

b1. Nói trước lớp: HS tập nói trước lớp theo mẫu bằng tiếng Việt của GV để ghi nhớ và chuẩn bị luyện tập.

b2. Nói theo cặp (hoặc nhóm nhỏ): hai hay vài HS thực hành nói tiếng Việt theo yêu cầu hoặc chỉ dẫn của GV để trau dồi kỹ năng đã học.

b3. Trò chơi học tập: GV nêu nội dung trò chơi, cách thức chơi, luật chơi, cách đánh giá, khen thưởng..., tạo điều kiện cho HS tập nói tiếng Việt một cách hứng thú, tự giác. <sup>1</sup>